

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Thanh A – Sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà S, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D – Sinh năm: 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà M, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn anh Bùi Thanh A trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh A và chị Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện chung sống từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B vào ngày 22/01/2018. Quá trình chung sống vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay anh

Bùi Thanh A xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị D nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Thanh A và chị Nguyễn Thị Mỹ D có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016. Hiện nay cháu đang sống với chị D nên khi ly hôn anh A đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh A, chị D không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh A, chị D.

Tại phiên tòa anh Bùi Thanh A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D và xin thay đổi yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Nay anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Bảo K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D khai:**

Chị và Anh Bùi Thanh A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B ngày 22/01/2018. Vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh Bùi Thanh A có đơn xin ly hôn thì chị D đồng ý

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Bùi Thanh A có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng để cháu K cho anh A nuôi dưỡng. Vì hiện tại bản thân chị D bị bệnh và không có công ăn việc làm ổn định nên không đảm bảo được cuộc sống cho cháu K.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Bùi Thanh A và chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện. Anh Bùi Thanh A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D, giao con chung cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016 cho anh Bùi Thanh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Tại đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D và giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn anh A thay đổi yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Nay anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Nguyễn Bảo K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của anh Bùi Thanh A yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của bị đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột ngày 22 tháng 01 năm 2018. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Thanh A và Chị Nguyễn Thị Mỹ D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh A, chị D chung sống hạnh phúc được được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh A và chị D đều xác định cả hai không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng. Cuộc sống chung giữa hai bên không còn tiếp diễn nữa nên không thể tiếp tục duy trì hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Thanh A với chị Nguyễn Thị Mỹ D. Xét cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Bùi Thanh A.

Về con chung: Hiện tại chị D không có công việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập để nuôi con chung. Anh Bùi Thanh A có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016. Nguyện vọng của anh A là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật và cũng nhằm đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016 cho anh Bùi Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh A không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Thanh A và chị Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

[4]Về án phí: Anh Bùi Thanh A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , anh Bùi Thanh A, anh Bùi Thanh A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ D.

Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Nguyễn Bảo K – sinh ngày 24/9/2016 cho anh Bùi Thanh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung

Về án phí: Anh Bùi Thanh A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013665 ngày 06 tháng 01 năm 2021.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND P.T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ My

